TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01 /2023/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 02 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Y cầu xác định cha cho con

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN

Với tHnh phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lý Thị Luân

Thư ký phiên họp: Ông Ma Văn Chung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên họp: Bà Triệu Kim Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 01/2023/TLST-VDS, ngày 09 tháng 01 năm 2023 về việc "Yêu cầu xác định cha cho con" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người Yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị Triệu Thị Y, sinh năm 1996 - Nơi cư trú: Thôn Kh, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1994 - Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Q. Có mặt.

+ Anh Triệu Nguyên D, sinh năm 1994 - Nơi cư trú: xóm K, xã SM, huyện V, tỉnh Th. Vắng mặt có lý do.

+ Cháu Triệu Thị Y1, sinh năm 2019 - Nơi cư trú: Thôn Kh, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn

Người đại diện hợp pháp của cháu Y1: Chị Triệu Thị Y (mẹ cháu Y1), sinh năm 1996 - Nơi cư trú: Thôn Kh, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn Yêu cầu đề ngày 05/01/2023, bản tự khai, chị Triệu Thị Y trình bày:

Vào năm 2016, chị Triệu Thị Y và anh Triệu Nguyên D gặp gỡ, quen biết và kết hôn đến ngày 29/4/2021 thì hai vợ chồng ly hôn tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 40/2021/QĐST - HNGĐ, ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Th. Trong thời kỳ hôn nhân ngày 03/01/2019, chị Y sinh một bé gái, đặt tên là Triệu Thị Y1. Thời điểm sinh cháu Y1, chị Y vẫn đang là vợ hợp pháp của anh Triệu Nguyên D. Vì vậy, tại giấy khai sinh của cháu Y1 phần họ, chữ đệm, tên người cha là Triệu Nguyên D. Tuy nhiên, chị Y cho rằng con Triệu Thị Y1 không phải là con chung của chị với anh D mà là con chung của chị với anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1994 - trú tại: Thôn T, xã Hợp T, huyện S, tỉnh Q và tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cũng đã xác định giữa chị Y và anh D không có con chung Triệu Thị Y1 mà chỉ có con chung Triệu Tài N. Do vậy chị Y Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N giải quyết công nhận anh Nguyễn Văn H là cha đẻ của cháu Triệu Thị Y1.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Triệu Nguyên D trình bày: Anh xác nhận những lời trình bày của chị Y là chính xác. Con Triệu Thị Y1 được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa anh và chị Y và trong giấy khai sinh của cháu Y1 ghi tên bố là Triệu Nguyên D nhưng anh D khẳng định Triệu Thị Y1 không phải là con chung của anh D và chị Y, Anh không có đề nghị xét nghiệm ADN để xác định cháu Y1 có phải là con đẻ của anh hay không nên nhất trí với yêu cầu xác định cha cho con của chị Triệu Thị Y không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H trình bày: Khoảng tháng 01/2018 anh và chị Y quen biết nhau, quá trình tìm hiểu có chung sống và đến ngày 03/01/2019 thì anh H với chị Y có 01 con chung là Triệu Thị Y1. Tuy nhiên do tại thời điểm anh và chị Y đến với nhau thì chị Y vẫn đang có chồng nên trong giấy khai sinh vẫn ghi tên cha là Triệu Nguyên D nên anh H nhất trí với Y cầu xác định cha cho con của chị Y và không có ý kiến gì khác.

Tại phiên họp, chị Triệu Thị Y có đơn xin vắng mặt trong đơn giữ nguyên Y cầu đề nghị Tòa án giải quyết công nhận anh Nguyễn Văn H là cha đẻ của cháu Triệu Thị Y1.

Anh H thừa nhận nhất trí với kết quả xét nghiệm ADN và khẳng định anh H là cha đẻ của cháu Triệu Thị Y1, nhất trí với Y cầu xác định cha cho con của chị Y.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Triệu Nguyên D vắng mặt tại phiên họp trong đơn nêu trong quá trình giải quyết đã có bản tự khai trình bày đầy đủ không có ý kiến thay đổi bổ sung gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng giải quyết việc dân sự, thư ký tại phiên họp đã tuân theo đúng các quy định của chương XXIII Bộ luật tố tụng dân sự về Thủ tục giải quyết việc dân sự; Việc chấp hành pháp luật của người tham

gia tố tụng trong quá trình giải quyết đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 68, 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quyết định mở phiên họp gửi chậm.

- Ý kiến về phần nội dung: Căn cứ khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm t khoản 2 Điều 39; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 88, Điều 101 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện N nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Triệu Thị Y hiện đang cư trú tại thôn Kh, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; chị Y Y cầu Tòa án giải quyết xác định anh Nguyễn Văn H là cha đẻ của cháu Triệu Thị Y1 nên đây là Y cầu xác định cha cho con thuộc Y cầu về hôn nhân và gia đình theo khoản 10 Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm t khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì việc chị Y Y cầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng để các đương sự tham gia phiên họp. Chị Triệu Thị Y là người yêu cầu vắng mặt có lý do, anh Triệu Nguyên D là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có lý do. Tuy nhiên, quá trình giải quyết việc dân sự chị Y, anh D đã có lời khai và có đơn đề nghị vắng mặt. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục mở phiên họp theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung yêu cầu:

Chị Triệu Thị Y và anh Triệu Nguyên D gặp gỡ, quen biết và kết hôn vào năm 2016. Trong thời kỳ hôn nhân ngày 03/01/2019, chị Y sinh một bé gái, đặt tên là Triệu Thị Y1. Thời điểm sinh cháu Y1, chị Y vẫn đang là vợ hợp pháp của anh Triệu Nguyên D. Vì vậy, tại giấy khai sinh của cháu Y1 phần họ, chữ đệm, tên người cha là Triệu Nguyên D. Tuy nhiên, con Triệu Thị Y1 không phải là con chung của chị Y với anh D mà là con chung của chị với anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1994 - trú tại: Thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Q nên chị Y yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N giải quyết công nhận anh Nguyễn Văn H là cha đẻ của cháu Triệu Thị Y1.

Ngày 07 tháng 02 năm 2023 Tòa án nhân dân huyện N ra quyết định trưng cầu giám định số 01/2023/QĐ-TCGĐ trưng cầu Viện Công nghệ AND và phân tích Di truyền (GenLab); địa chỉ tầng 1, Tòa F5, số 112 Trung Kính, quận Cầu Giấy, tHnh phố H Nội thực hiện Giám định AND đối với anh Nguyễn Văn

H, sinh năm 1994; địa chỉ: thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Q và cháu Triệu Thị Y1, sinh năm 2019; địa chỉ: thôn Kh, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn có cùng huyết thống (cha con) không.

Tại bản kết luận giám định AND số 01/23/TC-AND ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Viện Công nghệ AND và phân tích Di truyền kết luận Nguyễn Văn H có quan hệ huyết thống cha - con với Triệu Thị Y1, độ tin cậy 99,9999%.

Do vậy, Tòa án nhân dân huyện N có đủ cơ sở kết luận anh Nguyễn Văn H là cha đẻ của người có tên Triệu Thị Y1, sinh ngày 03/01/2019 theo quy định tại *Điều 88 Luật* hôn nhân và gia đình. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện N phù hợp với nhận định của Tòa án nhân dân huyện N nên được chấp nhận**.**

[3] Về lệ phí: Đây là yêu cầu xác định cha cho con chưa đủ 18 tuổi nên người yeu cầu là chị Triệu Thị Y được miễn lệ phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm t khoản 2 Điều 39; khoản 1 Điều 149; khoản 2, 3 Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 88, Điều 101 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xác định anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/6/1994 là cha đẻ của cháu Triệu Thị Y1, sinh ngày 03/01/2019 có Giấy khai sinh số 07 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 28/01/2019.

2. Chị Triệu Thị Y được miễn nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. *Trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hánh án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người yêu cầu; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng

nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát cấp trên có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Các đương sự;
- UBND xã Đổng Xá;
- UBND xã Hợp THnh;
- Chi cục THADS huyện N
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lý Thị Luân